

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày: 25-06-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y M, TỈNH NINH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Diệu Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Cung

Ông Vũ Văn Thao

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y M, tỉnh Ninh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y M, tỉnh Ninh B tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y M, tỉnh Ninh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 05 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 06 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trương Ngọc H, sinh năm 1991 tại Y M, Ninh B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã Y N, huyện Y M, Ninh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc V và bà Mai Thị U, vợ con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: 03: Ngày 27/11/2015, Công an huyện Y M ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06 xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chưa chấp hành. Ngày 09/11/2016, Công an huyện Y M ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 318 xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chưa chấp hành. Ngày 10/01/2017, Tòa án nhân dân huyện Y M ra Quyết định số 02/QĐ-TA đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 26/6/2018; Lịch sử bản thân: Ngày 11/12/2015 Công an huyện Y M ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23 xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 07/01/2016. Ngày 24/6/2016, Ủy ban nhân dân xã Y N, huyện Y M ra Quyết định số 01/QĐ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng do có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 24/9/2016. Ngày 03/10/2016 Công an huyện Y M ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 283 xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 26/10/2016; bị

tạm giữ từ ngày 24/3/2020 đến ngày 30/3/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay “Có mặt”.

2. Họ và tên: Vũ Thanh B, sinh năm 1987 tại Kim Sơn, Ninh B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, BK, xã KT, huyệnYM, Ninh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Công H1 và bà Vũ Thị Hải Y (Đều đã chết), vợ con: Chưa có; tiền án: 01: Bản án số 10/2014/HSST ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân huyệnYM xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm 200.000 đồng, buộc phải trả lại số tiền 750.000 đồng cho người bị hại. Ngày 9/4/2014 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại Bản án số 20/2014/HSPT ngày 26/5/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh B quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong án phí, chấp hành xong hình phạt tù của bản án. Đối với số tiền 750.000 đồng đến nay người bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án; tiền sự: 02: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 67 ngày 11/8/2008 của Công an huyệnYM xử phạt 500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, chưa chấp hành. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34 ngày 5/6/2010 của Công an huyệnYM xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, chưa chấp hành; bị tạm giữ từ ngày 24/3/2020 đến ngày 30/3/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh B đến nay “Có mặt”.

- *Người làm chứng:* Anh Lê Anh D, sinh năm 1989; chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1993, anh Vũ Ngọc Ch, sinh năm 1982, ông Trương Ngọc V, sinh năm 1958; bà Mai Thị U, sinh năm 1962. Tại phiên tòa, có mặt: Chị H1, ông V; vắng mặt: anh D, anh Ch, bà U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên Trương Ngọc H và Vũ Thanh B có số điện thoại và tài khoản Zalo của nhau. Biết H có bán các số lô, số đề với giá 01 điểm lô tương đương 22.000 đồng, nếu trúng lô được trả 01 điểm lô tương đương 80.000 đồng; nếu trúng số đề sẽ được trả gấp 80 lần số tiền mua, hai bên căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày làm căn cứ trả thưởng. Hồi 17 giờ 28 phút ngày 26/02/2020, Vũ Thanh B sử dụng ứng dụng Zalo tài khoản “Thanh B” đăng ký theo số điện thoại thuê bao 0812336262 của mình nhắn tin đến tài khoản Zalo “H kẹo SS” đăng ký theo số điện thoại thuê bao 0913641991 của Trương Ngọc H mua các số lô, số đề với nội dung: “Đề 26 62 96 69 56 65 x 50k lô 66 x 50đ” tức là hỏi mua các số đề 26 62 96 69 56 65 mỗi số 50.000 đồng với tổng số tiền 300.000 đồng; số lô 66 mua 50 điểm tương đương với số tiền 1.100.000 đồng. Lúc này, H đang ở nhà tại xóm T, xã YN, huyệnYM nhận được tin nhắn của B, H đồng ý bán các số lô, số đề nêu trên nên nhắn tin trả lời B “Ok a”. Hồi 18 giờ 03 phút cùng ngày

B tiếp tục sử dụng tài khoản Zalo “Thanh B” của mình để nhắn tin đến tài khoản Zalo “H kẹo SS” của H với nội dung “Đề 37 47x100k 21 26 86 03 30 01 22 00 71 49 73x20k 69x80k lo 52 31x50k 73 22 13x20đ 28 37 73 00x10đ” để hỏi mua các số đề 37, 47 mỗi số 100.000 đồng; các số đề 21, 26, 86, 03, 30, 01, 22, 00, 71, 49, 73 mỗi số 20.000 đồng; số đề 69 mua 80.000 đồng; số lô 52, 31 mỗi số 50 điểm; số lô 73, 22, 13 mỗi số 20 điểm; các số lô 28, 37, 73, 00 mỗi số 10 điểm. Nhận được tin nhắn của B, H đồng ý bán các số lô, số đề B đã hỏi mua và nhắn tin “Ok a” cho B để xác nhận; Tổng số tiền hai lần B mua các số lô, số đề của H là 6.300.000 đồng. Sau khi đối chiếu kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc ngày 26/02/2020, B không trúng số lô, số đề nào đã mua. Số tiền mua số lô, số đề nêu trên B chưa thanh toán cho H.

Ngày 24/3/2020, nhận được báo cáo của Công an xã KT về việc Vũ Thanh B có biểu hiện của hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, Công an huyệnYM đã triệu tập B lên làm việc. Quá trình làm việc B đã tự khai nhận hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức mua bán số lô, số đề nêu trên với Trương Ngọc H vào ngày 26/02/2020. Cùng ngày, Trương Ngọc H đã đến Công an huyệnYM đầu thú. Vũ Thanh B tự giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, vỏ màu đen xám, số Imei 353296072861542 bên trong có lắp 01 sim điện thoại số 0812336262; Trương Ngọc H tự giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7, vỏ màu đen, số Imei1 86604245205379, Imei2 866042047365379, bên trong có lắp sim điện thoại số 0913641991

Tại Bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 15 tháng 05 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyệnYM đã truy tố Trương Ngọc H và Vũ Thanh B về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thanh B khai: Ngày 26/02/2020 bị cáo có nhắn tin mua các số lô, số đề của bị cáo H hai lần với tổng số tiền mua là 6.300.000 đồng; Do bị cáo mua nhiều số lô, số đề khác nhau, thời gian mua đã lâu nên bị cáo không nhớ chi tiết từng số. Khi mua các số lô, số đề, bị cáo sử dụng ứng dụng nhắn tin trên tài khoản Zalo “Thanh B”, được đăng ký bằng số điện thoại 0812336262 của bị cáo để nhắn tin mua, sau khi đối chiếu kết quả xổ số cùng ngày thì thấy không trúng số nào, bị cáo vẫn để nguyên nội dung tin nhắn trên ứng dụng Zalo. Sau khi có kết quả xổ số, H đã nhắn tin, gọi điện thoại cho bị cáo nhưng do chưa có tiền trả nên bị cáo không nhắn tin lại và không trả lời cuộc gọi của H. Sim số điện thoại 0812336262 bị cáo mua của anh Ch gần nhà sau khi ra tù và sử dụng liên tục từ cuối năm 2018 đến nay, bị cáo cũng sử dụng số điện thoại này để đăng ký tài khoản Zalo và chỉ sử dụng 01 số điện thoại và 01 tài khoản Zalo trên để liên lạc với mọi người.

Bị cáo H khai nhận: Bị cáo và B có quen biết nhau từ năm 2012 đến nay. Sau thời gian B đi tù, thi thoảng hai bên có gọi điện thoại và nhắn tin Zalo để nói chuyện với nhau. Đầu năm 2020, khi gặp B tại quán cafe, bị cáo đã nói với B về việc mình có bán số lô, số đề với giá 22.000 đồng 01 điểm lô, lấy kết quả xổ số kiến thiết mở thưởng trong ngày để đối chiếu, nếu trúng lô thì sẽ được trả 1 điểm lô tương ứng với

80.000 đồng, nếu trúng đề thì sẽ được trả gấp 80 lần số tiền bỏ ra mua. Ngày 26/02/2020 khi bị cáo đang ngồi ở nhà thì nhận được tin nhắn của B 02 lần, lần 01 vào khoảng 17 giờ 28 phút mua số lô 66 với mức 50 điểm, các số đề 26, 62, 96, 69, 56, 65 mỗi số 50.000 đồng; tổng số tiền mua là 1.400.000 đồng; lần 2 vào khoảng 18 giờ 03 phút để mua các số đề 37, 47 mỗi số 100.000 đồng; 21, 26, 86, 03, 30, 01, 22, 00, 71, 49, 73 mỗi số 20.000 đồng, số 69 mua 80.000 đồng và các số lô 52, 31 mỗi số 50 điểm, 73, 22, 13 mỗi số 20 điểm, 28, 37, 73, 00 mỗi số 10 điểm; tổng số tiền mua là 4.900.000 đồng. Sau khi nhận được tin nhắn bị cáo đã nhắn lại OK để cho B biết bị cáo đồng ý bán các số lô, số đề B đã nhắn tin mua. Đến tối cùng ngày, bị cáo đã đọc các số lô, số đề đã bán cho B với kết quả xổ số kiến thiết thì thấy B không trúng số lô, số đề nào. Sau đó, bị cáo có nhắn tin, gọi điện thoại hỏi B về tiền mua số lô, số đề thì B không bắt máy, bị cáo đã xóa tin nhắn mua bán lô, đề với B trên tài khoản Zalo của mình. Đây là lần đầu tiên bị cáo mua bán số lô, số đề; ngoài B ra thì bị cáo không bán lô, đề cho ai khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YM giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố để xét xử các bị cáo Trương Ngọc H và Vũ Thanh B về tội “Đánh bạc” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trương Ngọc H từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 6 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ; khấu trừ từ 5 đến 10% thu nhập hàng tháng, phạt tiền bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Thanh B từ 6 đến 9 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, phạt tiền bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus thu giữ của Vũ Thanh B, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 thu giữ của Trương Ngọc H; Tịch thu tiêu hủy 02 sim số thuê bao thu giữ trong máy điện thoại của Vũ Thanh B và Trương Ngọc H; Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.300.000 đồng đối với Vũ Thanh B.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc các bị cáo Trương Ngọc H, Vũ Thanh B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện YM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trương Ngọc H, bị cáo Vũ Thanh B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 26/02/2020, tại nhà ở của mình ở xóm Tây Lộc, xã YN, huyện YM, tỉnh Ninh B, Trương Ngọc H đã có hành vi “Đánh bạc” với Vũ Thanh B bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái phép thông qua tin nhắn của ứng dụng Zalo trên điện thoại di động. Số tiền sử dụng để đánh bạc giữa H và B là 6.300.000 đồng. Trương Ngọc H và Vũ Thanh B là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo H, bị cáo B đã phạm vào tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

“Điều 321. Tội Đánh bạc:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện YM truy tố bị cáo Trương Ngọc H và Vũ Thanh B về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công từ trước nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo H là người đứng ra mua các số lô, số đề, quy định tỷ lệ thắng thua nên giữ vai trò thứ nhất, bị cáo B giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Tình tiết giảm nhẹ: Trước khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo Vũ Thanh B đã tự thú khai nhận hành vi phạm tội tại cơ quan Công an; sau đó bị cáo Trương Ngọc H đầu thú khai báo hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thật thà khai báo. Bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo B được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo B đã bị kết án về tội “Cướp tài sản” chưa được xoá án tích lại phạm tội mới nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng.

- Tiền án, tiền sự: Bị cáo B có 01 tiền án, 02 tiền sự. Bị cáo H không có tiền án, có 03 tiền sự.

- Về nhân thân: Bị cáo H đã từng 03 lần bị xử phạt vi phạm hành chính do hành vi vi phạm pháp luật.

[5] Xét tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống lành mạnh, văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, là một trong những nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Các bị cáo đã nhận thức rõ việc mua bán số lô, số đề trái phép là vi phạm pháp luật, song do việc mua bán số lô, số đề có tỷ lệ được thua cao, với mong muốn được hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật, vì vậy cần có biện pháp xử lý nghiêm nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Xét thấy: Bị cáo B đang có 01 tiền án, 02 tiền sự trong đó có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo. Bị cáo H có 03 tiền sự, nhân thân đã từng nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiền sự và các lần vi phạm pháp luật trước đây của bị cáo H đều do H là người nghiện ma túy nên có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” để sử dụng, trong vụ án này bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ buộc bị cáo phải cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, khấu trừ 1 phần thu nhập và áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo. Khi lượng hình cũng cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của Vũ Thanh B 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, bên trong có lắp 01 sim điện thoại, thu giữ của Trương Ngọc H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 bên trong có lắp 01 sim điện thoại.

Xét thấy: 02 chiếc điện thoại di động đã thu giữ là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi đánh bạc, còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. 02 sim điện thoại đã cũ, hỏng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 6.300.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, bị cáo H, bị cáo B chưa thanh toán tiền cho nhau, cần truy thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Do bị tuyên có tội nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc H, bị cáo Vũ Thanh B phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thanh B 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 24/03/2020; Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Ngọc H 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 6 (Sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 24/03/2020 đến ngày 30/03/2020) bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ; Khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt; Phạt bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trương Ngọc H cho UBND xã YN, huyện YM, tỉnh Ninh B là nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã YN trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus thu giữ của Vũ Thanh B, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7 thu giữ của

Trương Ngọc H.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 sim điện thoại đã thu giữ trong các máy điện thoại của Vũ Thanh B và Trương Ngọc H.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/05/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện YM và Chi cục thi hành án dân sự huyện YM).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với Vũ Thanh B số tiền 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm nghìn) đồng.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Vũ Thanh B, Trương Ngọc H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh B (1);
- VKSND tỉnh Ninh B (1);
- VKSND huyện YM (1);
- Công an huyện YM (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Ninh B (1);
- Chi cục THA dân sự huyện YM (1);
- UBND xã YN (1);
- Bị cáo (2);
- Lưu Hồ sơ (1);
- Lưu VP (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
PHẠM DIỆU OANH**

(Đã ký)

